

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2019/HS-PT

Ngày: 30-11-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quang Sơn

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tinh, ông Tôn Văn Thông

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Sương – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:
Ông Đặng Hữu Tài – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 85/2019/TLPT-HS ngày 15 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo Nguyễn Thống N, Nguyễn Sông L do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 27/2019/HS-ST ngày 09 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Bến Tre.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Thống N, sinh năm 1976, tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: số xxx, ấp P, xã H, thành phố B, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: bảo vệ; trình độ văn hóa: 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn N (đã chết) và bà Đỗ Thị M (đã chết); tiền án, tiền sự: không, bị cáo tại ngoại (có mặt).

2. Nguyễn Sông L, sinh năm 1960, tại tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: ấp H, xã H, thành phố B, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: bảo vệ; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn H (đã chết) và bà Hoàng Thị N; vợ: Cao Hồng V (đã ly hôn), có hai người con, lớn sinh năm 1986, nhỏ sinh năm 1994; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thống N và Nguyễn Sông L là nhân viên bảo vệ của Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ Bảo vệ an ninh Hđược phân công trực bảo vệ tại Nhà máy chế biến dừa G (thuộc Công ty cổ phần xuất nhập khẩu B), tại ấp T, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre. Trong thời gian làm bảo vệ L rủ N lấy trộm máy mô tơ và N đồng ý nên cả hai thống nhất với nhau cùng lấy trộm máy mô tơ trong dây chuyền sản xuất com dừa của Nhà máy dừa G, đem bán lấy tiền chia nhau tiêu xài cá

nhân. Từ ngày 31/7/2018 đến ngày 22/8/2018, thời gian vào ban đêm N và L đã cùng nhau thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của Công ty cổ phần xuất nhập khẩu B, cụ thể như sau:

- Vào đêm ngày 31/7/2018 N và L lấy trộm 01 máy mô tơ vít tải nạp liệu công suất 1,5KW bán được số tiền 200.000 đồng và 01 máy mô tơ bồn chứa công suất 1,5KW bán được số tiền 300.000 đồng;

- Vào đêm ngày 05/8/2018 N và L lấy trộm 01 máy mô tơ cán định hình bao công suất 2,2KW và 01 máy mô tơ hầm nguội công suất 3,7KW; đêm ngày 12/8/2018 N và L lấy trộm 01 máy mô tơ hầm sấy công suất 7,5KW; đêm ngày 22/8/2018 N và L lấy trộm 01 máy mô tơ quạt nguội công suất 11KW. Cả 04 máy mô tơ trên mỗi máy N bán được là 800.000 đồng.

Sau khi tháo lấy trộm 06 máy mô tơ nêu trên, N đều sử dụng xe mô tô biển số xxFx-xxxx của bà Phan Thị T là người chung sống với N để chở đến ấp C, xã H, thành phố B, tỉnh Bến Tre bán cho vừa ve chai của ông Đoàn Văn Y. N lấy tiền xăng mỗi chuyến là 50.000 đồng, số tiền còn bán được N và L chia đều để tiêu xài cá nhân.

Đến ngày 29/8/2018, ông Phạm Nguyễn Minh T là nhân viên của Công ty cổ phần xuất nhập khẩu B đến Nhà máy chế biến dừa G để kiểm tra tài sản thì phát hiện bị mất trộm tổng cộng 16 máy mô tơ trong dây chuyền sản xuất cơm dừa. Sau đó, anh T đến Công an xã C, huyện G trình báo sự việc. Qua làm việc N và L thừa nhận đã lấy trộm 06 máy mô tơ, còn lại 10 máy mô tơ Công ty cho rằng N và L trong thời gian bảo vệ bị thất thoát.

Trong quá trình điều tra Nguyễn Thống N đã chủ động liên hệ với ông Đoàn Văn Y xin chuộc lại được 04 máy mô tơ và giao nộp cho Cơ quan điều tra, 02 máy mô tơ còn lại ông Y đã bán cho 02 người không biết họ tên, địa chỉ nên không thu hồi được.

Trong quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện G tạm giữ:

- 04 máy mô tơ gồm: 01 máy mô tơ cán định hình bao công suất 2,2KW; 01 máy mô tơ hầm nguội công suất 3,7KW; 01 máy mô tơ hầm sấy công suất 7,5KW; 01 máy mô tơ quạt nguội công suất 11KW;

- 01 xe mô tô biển số xxFx-xxxx là phương tiện N sử dụng để vận chuyển 06 máy mô tơ đã trộm được đem đi bán;

- 01 đèn pin vỏ màu đen, đã cũ qua sử dụng, là dụng cụ N và L sử dụng để chiếu sáng trong quá trình lấy trộm tài sản;

- 01 đoạn ống tuyết bằng kim loại, có chiều dài 96cm, là dụng cụ N và L sử dụng để khiêng các máy mô tơ ra bên ngoài để N vận chuyển đi bán;

- 07 chìa khóa bằng kim loại đã cũ, gồm các số 08, 17, 18, 19, 22, 23, 24 và 02 chìa khóa lục giác bằng kim loại.

Hội đồng định giá tài sản huyện G kết luận:

- Đối với tài sản thu hồi được: 01 máy mô tơ hàm nguội, công suất 3,7KW, sản xuất tại Việt Nam năm 2013, bị trộm ngày 05/8/2018, trị giá 2.000.000 đồng; 01 máy mô tơ cán định hình bao, công suất 2,2KW, sản xuất tại Việt Nam năm 2013, bị trộm ngày 05/8/2018, trị giá 1.500.000 đồng (tổng cộng 3.500.000 đồng); 01 máy mô tơ hàm sấy, công suất 7,5KW, sản xuất tại Việt Nam năm 2013, bị trộm ngày 12/8/2018, trị giá 4.000.000 đồng; 01 máy mô tơ quạt nguội, công suất 11KW, sản xuất tại Việt Nam năm 2013, bị trộm ngày 22/8/2018, trị giá 6.000.000 đồng. Tổng cộng 13.500.000 đồng.

- Đối với tài sản không thu hồi được gồm: 01 máy mô tơ vít tải nạp liệu công suất 1,5KW, 01 máy mô tơ bồn chứa công suất 1,5KW (N và L khai lấy trộm ngày 31/7/2018) và 10 máy mô tơ còn lại Hội đồng định giá không định giá được do Công ty cổ phần xuất nhập khẩu B không cung cấp được nguyên giá, năm đưa vào sử dụng và nhãn hiệu (do Công ty cổ phần xuất nhập khẩu B từ chối cung cấp vì thuộc bí quyết công nghệ và bí quyết kinh doanh của Công ty).

Sau khi được Cơ quan điều tra thông báo về kết luận định giá tài sản, các bên có liên quan đều đồng ý với kết luận định giá, không có ý kiến gì khác và không có yêu cầu định giá lại tài sản.

Về trách nhiệm dân sự: Đối với tài sản không thu hồi được là 01 máy mô tơ vít tải nạp liệu công suất 1,5KW, 01 máy mô tơ bồn chứa công suất 1,5KW (N và L khai lấy trộm ngày 31/7/2018). Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ bảo vệ an ninh H đã thỏa thuận hoàn trả lại cho Công ty cổ phần xuất nhập khẩu B giá trị mỗi máy mô tơ là 2.000.000 đồng. N và L đã hoàn trả 4.000.000 đồng cho Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ bảo vệ an ninh H.

Đối với ông Đoàn Văn Y là người đã mua 06 cái máy mô tơ của hai bị cáo trộm là 3.700.000 đồng. Khi N đem bán cho ông Đoàn Văn Y, N không có nói với ông Y đó là do tài sản trộm cắp nên ông Y không biết và mua 06 máy mô tơ của N. Sau khi biết sự việc ông Y đã chủ động tìm nơi bán các máy mô tơ để chuộc lại được 04 máy mô tơ và giao nộp cho công an. Ông có cho rằng thiệt hại từ việc ông Y mua, bán, chuộc lại 04 máy mô tơ của N bán với số tiền là 4.500.000 đồng. Bị cáo N trả cho ông Y được số tiền là 800.000 đồng, còn lại số tiền 3.700.000 đồng ông Y không yêu cầu N và L phải tiếp tục hoàn trả. Tuy nhiên, L cho rằng L đã đưa cho N 2.500.000 đồng để trả cho ông Y, được trừ đi 400.000 đồng L trả cho ông Y, bị cáo N trả lại cho L được 1.000.000 đồng. Số tiền còn lại của L đưa cho N dư ra mà N chưa trả lại L là 1.100.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo L có yêu cầu bị cáo N hoàn trả lại số tiền nêu trên.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 27/2019/HS-ST ngày 09 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Bến Tre đã tuyên bố các bị cáo Nguyễn Sông L và Nguyễn Thống N phạm “Tội trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thống N 06 (sáu)

tháng tù. Xử phạt bị cáo Nguyễn Sông L 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt các bị cáo chấp hành hình án. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 22/10/2019, bị cáo Nguyễn Sông L kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm cho bị cáo hưởng án treo.

Ngày 28/10/2019, bị cáo Nguyễn Thông N kháng cáo quá hạn yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm cho bị cáo hưởng án treo. Tại quyết định số 02/2019/HSPT-QĐ ngày 11 tháng 11 năm 2019 đã quyết định chấp nhận việc kháng cáo quá hạn của bị cáo Nguyễn Thông N.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị: không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm đã xử phạt mỗi bị cáo 06 tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản”.

Các bị cáo nói lời sau cùng: bị cáo L yêu cầu được hưởng án treo để lo cho gia đình và tìm kiếm thu nhập trả nợ tiền bồi thường; bị cáo N yêu cầu được hưởng án treo để lo cho gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào hành vi của các bị cáo Nguyễn Thông N, Nguyễn Sông L đã lén lút chiếm đoạt 06 máy mô tơ trong dây chuyền sản xuất com dừa của Nhà máy chế biến Dừa G thuộc Công ty cổ phần xuất nhập khẩu B. Cụ thể: vào đêm 31/7/2018 N và L lấy trộm một máy mô tơ vít tải nạp liệu công suất 1,5KW và một máy mô tơ bồn chứa công suất 1,5KW, bán được tổng số tiền 500.000 đồng; vào đêm ngày 05/8/2018 N và L lấy trộm một máy mô tơ cán đình định hình bao công suất 2,2KW, trị giá 1.500.000 đồng và một máy mô tơ hầm nguội công suất 3,7KW, trị giá 2.000.000 đồng, tổng cộng là 3.500.000 đồng, vào đêm ngày 12/8/2018 N và L lấy trộm một máy mô tơ hầm sấy công suất 7,5KW, trị giá 4.000.000 đồng, vào đêm ngày 22/8/2018 N và L lấy trộm một máy mô tơ quạt nguội công suất 11KW, trị giá 6.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản mà N và L đã chiếm đoạt là 13.500.000 đồng. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết các bị cáo phạm “Tội trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm cho thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã kết án đối với các bị cáo N và L là đúng quy định pháp luật, không oan sai.

[2] Xét kháng cáo của các bị cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm cho hưởng án treo, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm

cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà các bị cáo được hưởng theo quy định tại các điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự để xử phạt mỗi bị cáo 06 (sáu) tháng tù là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo không được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới, đồng thời do các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần nên không đủ điều kiện hưởng án treo theo quy định tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/05/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Vì vậy, không có căn cứ để thay đổi biện pháp chấp hành hình phạt tù nên không chấp nhận kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo của các bị cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm theo đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm, theo quy định của pháp luật Tổ tụng hình sự và Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì các bị cáo phải chịu do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tổ tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thống N, Nguyễn Sông L; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[1] Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 50, Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thống N 06 (sáu) tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Xử phạt bị cáo Nguyễn Sông L 06 (sáu) tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

[2] Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tổ tụng hình sự; Áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: án phí hình sự phúc thẩm mỗi bị cáo Nguyễn Thống N và Nguyễn Sông L phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

[3] Quyết định khác của bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện G (3b);
- Công an và VKSND huyện G (2b);
- Chi cục THADS huyện G (1b);
- UBND xã H, thành phố B (1b);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Bị cáo (02b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

Bùi Quang Sơn